

Số: 21 /2023/HSST
Ngày: 14 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều
2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2022/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/HSST-QĐ ngày 01/02/2023 đối với bị cáo:

ĐỖ DUY TÚ L, tên gọi khác: N, sinh năm 1988 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Tổ 14, khu phố H, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Thanh D, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (đã chết); vợ: Trần Thị Thái N, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: Đỗ Đình H, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/10/2022 đến ngày 24/10/2022 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cao Thị Kim L1, sinh năm 1963; địa chỉ: Kp 6, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Phước.

2. Phạm Bích L2, sinh năm 1955; HKTT: Tổ 5, kp T, phường Đ, thị xã L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ 9, kp T, phường C, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

3. Huỳnh Trọng Q, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 14, kp T, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

4. Hồ Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, kp C, phường L, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

5. Đào Thị Kim L3, sinh năm 1990; HKTT: Tổ 2, ấp R, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ 9, ấp P, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

6. Nguyễn Thị Kiều L4, sinh năm 1991; HKTT: Tổ 12, kp H, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: 84/1 Phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

7. Lê Quang H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 5, ấp 17, xã P, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 02 năm 2022, với số tiền ban đầu là 50.000.000 đồng, L cho nhiều người ở địa bàn thị xã L, huyện Q và thị xã T vay tiền để tiêu dùng cá nhân với mức lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Tùy theo nhu cầu vay tiền của người vay, L sẽ đến gặp trực tiếp hoặc thông qua số điện thoại 0327.026.196 để cho vay; khi vay, không cầm cố, thế chấp tài sản đảm bảo, hầu hết là không lập thành hợp đồng cho vay. Các gói vay lãi suất từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, sau 10 ngày thì L sẽ thu lãi 01 lần. Như vậy, lãi suất L cho vay là từ 15%/tháng đến 24%/tháng, tương đương từ 182,5%/năm đến 292%/năm, gấp từ 9,1 lần đến 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm.

Quá trình điều tra đã xác định được L sử dụng 194.000.000 đồng cho 07 người vay, thu lợi bất chính 58.036.438 đồng, cụ thể:

1. Bà Cao Thị Kim L1: ngày 25 tháng 3 năm 2022, bà L1 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (0,7%/ngày). Khi vay bà L1 thỏa thuận sau hai tháng sẽ trả tiền gốc, 10 ngày thu lãi một lần. Sau khi bà L1 đóng lãi được 60 ngày nhưng vẫn chưa trả được tiền gốc nên L giảm mức lãi suất xuống còn 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Bà L1 đã đóng tiền lãi cho L đến ngày 14 tháng 8 năm 2022. Như vậy, bà L1 đã đóng cho L với tổng số tiền là 49.800.000 đồng, thu lợi bất chính đã thu được là 45.131.506 đồng. Bà L1 vẫn nợ 60.000.000 đồng tiền gốc.

2. Ông Phạm Bích L2: ngày 26 tháng 9 năm 2022, ông L2 vay 10.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng/ngày, L đã thu của ông L2 tiền lãi của 20 ngày với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, đã thu bất chính là 890.410 đồng. Ông L2 vẫn nợ L 10.000.000 đồng tiền gốc.

3. Bà Nguyễn Thị Kiều L4: ngày 26 tháng 6 năm 2022, bà L4 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 60.000 đồng/ngày. Bà L4 đã đóng 30 ngày tiền lãi cho L với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, đã thu lợi bất chính là 1.635.616 đồng. Bà L4 vẫn nợ L 10.000.000 đồng tiền gốc.

4. Bà Đào Thị Kim L3: ngày 03 tháng 5 năm 2022, bà L3 4.000.000 đồng, lãi suất là 32.000 đồng/ngày. Bà L3 đã đóng 160 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 5.120.000 đồng, đã thu lợi bất chính là 4.769.315 đồng. Hiện bà L3 vẫn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

5. Ông Lê Quang H1: ngày 12 tháng 10 năm 2022, ông H1 vay 4.000.000 đồng, lãi suất là 24.000 đồng/ngày. L vẫn chưa thu được tiền lãi nên ông H1 vẫn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

6. Ông Huỳnh Trọng Q: ngày 13 tháng 02 năm 2020, ông Q vay 11.000.000 đồng, lãi suất là 55.000 đồng/ngày. L đã thu tiền lãi được 60 ngày, với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, đã thu lợi bất chính là 2.938.356 đồng. Ông Q vẫn nợ 11.000.000 đồng tiền gốc.

7. Ông Hồ Văn T: khoảng tháng 9 năm 2022, ông T có vay 60.000.000 đồng, lãi suất là 300.000 đồng/ngày. Sau khi mượn được 10 ngày, ông T đã trả lại cả gốc và lãi là 63.000.000 đồng. Đến ngày 14 tháng 10 năm 2022, ông T vay 35.000.000 đồng, lãi suất là 245.000 đồng/ngày nhưng chưa thu được tiền lãi. Như vậy, L đã thu lợi bất chính là 2.671.232 đồng. Ông T vẫn nợ 35.000.000 đồng tiền gốc (**Bút lục số: 37, 38, 48, 56-59, 60-110**).

Việc thu giữ, xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, màu xanh đen, số IMEI 1: 862251056312875; số IMEI 2: 862251056312867 của ĐỖ DUY TÚ L sử dụng thực hiện tội phạm.

- Số tiền 4.200.000 đồng thu giữ của bị cáo L
- 01 hộp mực đỏ để lặn tay, đóng dấu mà L sử dụng để thực hiện tội phạm.

Bản cáo trạng số 01/Ctr-VKS ngày 13/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo ĐỖ DUY TÚ L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo ĐỖ DUY TÚ L phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù từ 60 triệu đến 100 triệu đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Phước đã truy tố

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 02 năm 2022 đến ngày 18 tháng 10 năm 2022, ĐỖ DUY TÚ L lợi dụng nhu cầu của nhiều người dân cần vay tiền nhanh để sử dụng mục đích cá nhân mà không cần làm các thủ tục vay theo quy định pháp luật nên L đã cho 07 người trên địa bàn thị xã T, huyện Q và thị xã L vay tiền với mức lãi suất 0,5%/ngày đến 0,8%/ngày, tương đương từ 15%/tháng đến 24%/tháng, tương đương 182%/năm đến 292%/năm, gấp từ 9,1 lần đến 14,6 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm. ĐỖ DUY TÚ L đã dùng 194.000.000đ để cho vay, thu lợi bất chính tổng số tiền 58.036.438 đồng. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Do số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng và dưới 100.000.000đ nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 13/12/2022 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[4.1]. Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể tổng số tiền: 194.000.000 đồng.

[4.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để sung quỹ Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo tổng số tiền: 5.983.561 đồng.

[4.3]. Đối với khoản tiền gốc mà những người vay tiền chưa trả xong theo quy định của pháp luật (đã được trừ khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải trả cho người vay), thì cần buộc người vay tiền nộp sung ngân sách nhà nước, tổng số tiền: 76.732.876 đồng, cụ thể như sau:

Buộc Cao Thị Kim L1 nộp số tiền 14.868.493 đồng (số tiền gốc bà L1 còn nợ 60.000.000đ – 45.131.506đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của bà L1).

Buộc Phạm Bích L2 nộp số tiền 9.109.589 đồng (số tiền gốc ông L2 còn nợ 10.000.000đ – 890.410đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của ông L2).

Buộc Huỳnh Trọng Q nộp số tiền 8.061.643 đồng (số tiền gốc ông Q còn nợ 11.000.000đ – 2.938.356đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của ông Q).

Buộc Hồ Văn T nộp số tiền 32.328.767 đồng (số tiền gốc ông T còn nợ 35.000.000đ – 2.671.232đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của ông T).

Buộc Nguyễn Thị Kiều L4 nộp số tiền 8.364.383 đồng (số tiền gốc bà L4 còn nợ 10.000.000đ – 1.635.616đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của bà L4).

Buộc Lê Quang H1 nộp số tiền 4.000.000 đồng (số tiền gốc ông H1 còn nợ 4.000.000đ – 0đ tiền bị cáo L thu lợi bất chính của ông H1).

[4.4]. Khoản tiền thu lợi bất chính (là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) từ những người vay thì cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Do bị cáo phải trả cho người vay khoản tiền thu lợi bất chính cần trừ vào khoản tiền các người vay chưa thực hiện, số tiền thu lợi bất chính còn lại cần buộc bị cáo có trách nhiệm tiếp tục trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính còn lại với tổng số tiền là: 769.315 đồng, cụ thể:

Buộc bị cáo trả cho Đào Thị Kim L3 số tiền 769.315 đồng (số tiền bị cáo L thu lợi bất chính của bà L3 4.769.315đ – 4.000.000đ tiền gốc bà L3 còn nợ).

[5]. Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, màu xanh đen, số IMEI 1: 862251056312875; số IMEI 2: 862251056312867 của ĐỖ DUY TÚ L sử dụng thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ 4.200.000 đồng của L để đảm bảo thi hành án.

01 hộp mực đỏ để lăn tay, đóng dấu mà L sử dụng để thực hiện tội phạm, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Đối với bà Phan Thị Hoàng Y đã giới thiệu bà Cao Thị Kim L1 vay tiền của ĐỖ DUY TÚ L; bà Y quen biết L và bà L1 và muốn giúp đỡ bà L1 khi khó khăn nên đã giới thiệu để L cho vay. Bà Y không tham gia góp vốn, không được hưởng lợi từ việc L cho vay, không biết mức lãi suất L cho vay nên Cơ quan điều tra không xem xét vai trò đồng phạm của bà Y.

Đối với người tên T có số điện thoại 0941.449.035, người tên L có số điện thoại 0705.804.069, người tên Đ và người tên Trần Thị Hà M có số điện thoại 0333.131.539 là những người vay tiền L sinh sống tại thị xã L. Qua xác minh, không thể xác định được nhân thân, nơi cư trú và cũng không liên lạc được bằng số điện thoại nên không xét đến.

Đề nghị trong luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 35, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo ĐỖ DUY TÚ L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo ĐỖ DUY TÚ L 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng)

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

3.1. Buộc bị cáo L có trách nhiệm nộp để sung ngân sách nhà nước tổng số tiền: 194.000.000đ (tiền gốc) + 5.983.561 đồng (tiền lãi 20%) = 199.983.561 đồng.

3.2. Buộc các bị cáo L có trách nhiệm trả lại cho Đào Thị Kim L3 số tiền 769.315 đồng.

3.3. Buộc những người vay nộp tiền sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền: 76.732.876 đồng, cụ thể như sau:

Buộc Cao Thị Kim L1 nộp số tiền 14.868.493 đồng

Buộc Phạm Bích L2 nộp số tiền 9.109.589 đồng

Buộc Huỳnh Trọng Q nộp số tiền 8.061.643 đồng

Buộc Hồ Văn T nộp số tiền 32.328.767 đồng

Buộc Nguyễn Thị Kiều L4 nộp số tiền 8.364.383 đồng

Buộc Lê Quang H1 nộp số tiền 4.000.000 đồng

3.4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, màu xanh đen, số IMEI 1: 862251056312875; số IMEI 2: 862251056312867

Tiếp tục tạm giữ 4.200.000 đồng của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp mực đỏ để lấn tay, đóng dấu

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

